

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 92/2020/DSPT

Ngày 13-8-2020

V/v tranh chấp lãi suất trong
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quyến**

Bà **Bùi Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Chúc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp lãi suất trong hợp đồng vay tài sản:

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu G**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Hoàng N – Công ty TNHH MTV L, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Trường T** là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/5/2020) (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kim L – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bà tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G trình bày:

Năm 2015 đến năm 2017 do thiếu vốn làm ăn nên ông có vay của bà Lê Thị Kim L làm nhiều đợt với mức lãi suất 9%/tháng, cụ thể như sau: Năm 2015, tổng số tiền vay là 6.363.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã đóng là 202.564.000 đồng; năm 2016 tổng số tiền vay là 12.358.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã đóng là 592.424.000 đồng; năm 2017, tổng số tiền vay là 6.560.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã đóng là 1.308.540.000 đồng.

Tổng cộng số tiền đã vay là 25.281.000.000 đồng với mức lãi suất là 9%/tháng. Tổng số tiền lãi ông đã đóng là 2.103.528.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án xem xét tính lại lãi suất theo quy định pháp luật đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông và bà L để khấu trừ phần lãi đóng vượt mức quy định. Sau khi về đối chiếu lại các biên nhận trả tiền thì có thay đổi số tiền so với số tiền nêu trong đơn khởi kiện cụ thể là nay chỉ yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã đóng vượt mức là 1.785.437.822 đồng. Căn cứ để khởi kiện là những giấy trả tiền được ghi trên những tờ giấy tập học sinh, tờ giấy lịch có chữ ký xác nhận của bà L, nhưng giấy trả tiền nay đều có thể hiện nội dung như số tiền nợ, số ngày đã vay và tiền lãi phải đóng, những chứng từ này cũng đã được đem ra đối chiếu tại Công an quận T mới ra được số tiền gốc và lãi của các năm 2015, 2016, 2017 như trình bày ở trên. Về cách tính lãi là theo hai khớp tức là theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và năm 2015, lấy số tiền lãi đã đóng trừ ra số tiền lãi tính theo mức tối đa theo quy định của pháp luật. Đối với biên bản đối chiếu ngày 14/6/2019, bà L cho rằng số tiền gốc ông G đã vay và đã trả là 5.980.000.000 đồng, hôm nay ông thống nhất với số tiền này.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim L trình bày: trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bà có cho ông G vay tiền làm nhiều đợt, tổng số tiền bao nhiêu thì không nhớ chính xác, với mức lãi suất do ông G tự đưa ra là 1.000.000 đồng thì trả lãi 3000 đồng/ngày, lãi không tính theo tháng mà tính theo ngày khi ông G đem tiền đến trả sẽ tính tổng bao nhiêu ngày nhân với lãi suất sẽ ra số tiền lãi. Theo các chứng từ ông G cung cấp thì hai bên có đối chiếu lại số tiền vay và lãi tại cơ quan điều tra và có kết quả giống như hai biên bản lập ngày 14/6/2019 và ngày 27/6/2019 tại Công an quận T. Hiện nay số tiền trên đã trả lại cho người khác hết rồi vì bản thân cũng đi vay của người khác sau đó mới cho ông G vay lại. Đối với những tờ giấy tập học sinh, tờ giấy lịch ông G cung cấp cho Tòa án và cho rằng đây là những chứng từ có thể hiện nội dung là số tiền gốc đã vay, số ngày phải trả lãi và tiền lãi có chữ ký xác nhận của bà, cụ thể chứng từ năm 2017 có chữ ký, chữ viết đề ngày 10/6/2019 và các năm

2015, 2016 có ghi xác nhận ngày 27/6/2019 và chữ ký của bà. Bà thừa nhận có ghi và ký tên phía dưới đối với những tờ giấy này. Những tờ giấy này không phải là biên nhận nợ mà là giấy để tính tiền, trong giấy này có thể hiện cách ghi là số tiền vay, ngày vay, số ngày phải trả lãi và số tiền lãi, về những con số cụ thể trong các tờ giấy ông G cung cấp và số lần vay như thế nào thì bà không nhớ chính xác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khấu trừ tiền lãi đã đóng bà không đồng ý vì ông G có vay số tiền trên và ông G đã trả toàn bộ nợ gốc và lãi hết rồi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu G. Buộc bà Lê Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu G số tiền 1.509.806.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 16/01/2020, bị đơn bà Lê Thị Kim L có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do tranh chấp về việc vay tiền của ông G và bà L đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đã có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ có nhiều mâu thuẫn nhưng chưa được làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận T giải quyết lại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Vào năm 2018, bà L khởi kiện ông G yêu cầu buộc ông phải trả số tiền 1.530.000.000 đồng. Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân quận T lập biên bản hòa giải thành, hai bên thỏa thuận: ông Nguyễn Hữu G có trách nhiệm trả

cho bà Lê Thị Kim L số tiền gốc 1.530.000.000 đồng. Ngày 23/10/2018 Tòa án nhân dân quận T ra Quyết định số 59/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018 công nhận sự thỏa thuận trên. Ông G cho rằng số tiền 1.530.000.000 đồng là lãi nhập gốc qua các năm 2015, 2016, 2017 cộng dồn lại nên có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Tại Thông báo số 615/TB-VKS-DS ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trả lời không kháng nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định số 58 trên vì ông G không có chứng minh việc nhập lãi vào nợ gốc, ông G xác nhận còn nợ và L số tiền 1.530.000.000 đồng nên Tòa án nhân dân quận T ra quyết định công nhận thỏa thuận xác nhận khoản nợ này là phù hợp với Điều 212, Điều 213 Bộ luật dân sự.

[2] Ngày 15/7/2019, ông G có đơn khởi kiện tranh chấp lãi suất hợp đồng vay tài sản giữa ông và bà L với số tiền 1.785.437.822. Xét thấy, đây là tranh chấp về lãi suất trong hợp đồng vay, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bởi lẽ, trong vụ án này chỉ giải quyết về phần lãi suất vượt mức quy định trong khi Quyết định số 59/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận T là công nhận tiền nợ gốc nên là quan hệ pháp luật khác. Do đó, việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng nợ gốc và tiền lãi đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự đã có hiệu lực pháp luật, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là chưa đúng.

[3] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ đối với các tờ lịch, tờ giấy tập học sinh thể hiện số tiền nợ gốc, số ngày phải trả lãi, số lãi mà ông G đã cung cấp. Bà L cho rằng các chứng cứ này chỉ là giấy để tính tiền, cách tính lãi, không phải biên nhận nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông G thừa nhận chứng cứ thể hiện số lãi mà ông cung cấp để khởi kiện trong vụ án này có một phần liên quan đến số tiền 1.530.000.000 đồng đã giải quyết theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 59/2018/QĐST-DS ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân quận T (quyết định này chưa được thi hành án, ông G vẫn chưa trả bà L số tiền này). Do đó, cần làm rõ có phần tiền lãi nào trong các tờ lịch, giấy tập học sinh đã kê mà ông G chưa trả cho bà L hay không. Hơn nữa, theo biên bản ghi lời khai ngày 02/7/2019 tại Công an quận T bà L cũng khai *“có lãi nhập vốn ở năm 2015, 2016 còn 2017 thì không...khi kết sổ sẽ cộng gốc và lãi lại ra tổng số tiền, ông G sẽ trả một phần trong tổng số đó, số dư (nợ) còn lại sẽ được chuyển qua tờ ghi nợ khác và tính lãi mới của số tiền đó”* (BL 49) chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

[4] Mặt khác, theo các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp còn có một số điểm mâu thuẫn.

*** Năm 2015:**

- BL 99 thể hiện 416 triệu, ngày 12/10, vay trong 02 ngày, tiền lãi 2.496 triệu (còn lại 982) là còn lại tiền gì? Trong khi Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 416 triệu vay ngày 12/10, vay trong 02 ngày lãi là 3.478.000 đồng.

- BL 97 và BL 98 cùng số tiền vay, thời gian vay nhưng số ngày vay lại khác nhau.

- Khoản vay liệt kê theo chứng cứ tại BL 95 không có chữ ký xác nhận của bà L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

*** Năm 2017:** Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khoản vay 20.000.000 vay vào ngày **15/5** số ngày vay là 164 ngày; lãi đã đóng 9.840.000; và khoản vay 250.000.000 vay vào ngày 28/6, vay trong 220 ngày, lãi 165.000.000 đồng nhưng không thấy chứng cứ có thể hiện những khoản vay vào ngày này.

Một số khoản vay Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận nhưng có khác về tổng số ngày vay theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (tại BL 124) cụ thể như sau:

Số tiền vay	Ngày vay	BL 124 thể hiện		Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận	
		Số ngày	Lãi	Số ngày	Lãi
60.000.000 đồng	20/1	201 ngày	36.180.000 đồng	209 ngày	37.620.000 đồng

Còn nhiều khoản vay có khác nhau về số ngày vay chưa được làm rõ, cụ thể:

Số tiền vay	Ngày vay	Số ngày vay có khác nhau chưa được làm rõ
150 triệu	24/01	BL 127 thể hiện 51 ngày BL 126 thể hiện 73 ngày
400 triệu	25/5	Trang 1 BL 124 thể hiện 27 ngày Trang 2 của BL 124 thể hiện 34 ngày
100 triệu	26/5	Trang 1 của BL 124 thể hiện 26 ngày Trang 2 của BL 124 thể hiện 33 ngày

50 triệu	30/5	Trang 1 của BL 124 thể hiện 22 ngày Trang 2 BL 124 thể hiện 29 ngày
100 triệu	31/5	Trang 1 của BL 124 thể hiện 21 ngày Trang 2 của BL 124 thể hiện 28 ngày
370 triệu	03/5	BL 124 thể hiện 49 ngày BL 123 thể hiện 58 ngày
100 triệu	01/6	BL 124 thể hiện 20 ngày BL 123 thể hiện 29 ngày
100 triệu	05/6	BL 124 thể hiện 16 ngày BL123 thể hiện 25 ngày
250 triệu	8/8	BL 126 thể hiện 242 ngày BL 124 thể hiện 317 ngày BL 122 thể hiện 327 ngày BL 121 thể hiện 366 ngày
30 triệu	12/1	BL 127 thể hiện 63 ngày BL 126 thể hiện 85 ngày BL 124 thể hiện 160 ngày BL123 thể hiện 169 ngày BL122 thể hiện 170 ngày BL121 thể hiện 209 ngày
60 triệu	20/1	BL 127 thể hiện 55 ngày BL126 thể hiện 77 ngày BL 124 thể hiện 152 ngày BL 123 thể hiện 161 ngày BL 122 thể hiện 162 ngày BL121 thể hiện 201 ngày

50 triệu	17/2	BL 127 thể hiện 27 ngày BL126 thể hiện 49 ngày BL 125 thể hiện 124 ngày BL123 thể hiện 133 ngày BL 122 thể hiện 134 ngày BL121 thể hiện 173 ngày
80 triệu	28/3	BL 126 thể hiện 10 ngày BL 124 thể hiện 85 ngày BL 123 thể hiện 94 ngày BL 122 thể hiện 95 ngày BL 121 thể hiện 134 ngày
50 triệu	10/5	BL124 thể hiện 42 ngày BL123 thể hiện 51 ngày BL 122 thể hiện 52 ngày BL 121 thể hiện 91 ngày
50 triệu	18/4	BL 124 thể hiện 64 ngày BL 123 thể hiện 73 ngày BL 122 thể hiện 74 ngày BL 121 thể hiện 113 ngày

Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại làm rõ những điểm như nhận định trên.

Từ những phân tích như đã nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà L có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim L.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân quận T. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân quận T giải quyết lại theo quy định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét sau khi Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L không phải chịu, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 011966 ngày 16/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Hoàng Dũng

CÁC THÂM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quyền - Bùi Thị Cẩm Thúy

Phạm Hoàng Dũng

CÁC THÂM PHÁN

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quỳn - Bui Thị Cẩm Thúy

Phạm Hoàng Dũng